

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội năm học 2015-2016 và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội năm học 2015-2016 và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 11445/LN:GD&ĐT-TC-LĐTĐ&XH ngày 30 tháng 12 năm 2015 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 3976/STP-VBPQ ngày 30 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội năm học 2015-2016 và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND Thành phố ban hành quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cơ

chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Lao động Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục thuế Thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, GD&ĐT, LĐTB&XH;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Cục KT văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Ban VX, PC, KTNS (HĐND TP);
- Công GTĐT TP; Trung tâm Tin học - Công báo;
- Sở Tư pháp; Đài PTTH HN,
- Báo Hà nội mới, Báo Kinh tế và đô thị;
- VPUBND TP: Các PCVP, Phòng: VX, KT, TH, NC;
- Lưu: VT. *g* 40344 (435)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

QUY ĐỊNH

Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội năm học 2015-2016 và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UB ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội năm học 2015-2016 và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em học mầm non, học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH HỌC PHÍ; MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Điều 3. Mức thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2015-2016

Đối với bậc học: Nhà trẻ; Mẫu giáo; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Giáo dục thường xuyên cấp THCS; Giáo dục thường xuyên cấp THPT, mức thu học phí như sau:

1. Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn): 60.000 đồng/tháng/học sinh.

2. Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi): 30.000 đồng/tháng/học sinh.

3. Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi: 8.000 đồng/tháng/học sinh.

Điều 4. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao

Thực hiện theo Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

Điều 5. Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập năm học 2015-2016

Bằng mức thu học phí các trường đang thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND thành phố Hà Nội (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 6. Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương; riêng đối với đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo của Thành phố.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành của Thành phố.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính; Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục trực thuộc và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

c) Hướng dẫn việc xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo của thành phố Hà Nội để có căn cứ thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng này.

4. Kho bạc Nhà nước Hà Nội

a) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục và đào tạo mở tài khoản tiền gửi để quản lý nguồn thu học phí.

b) Kiểm soát chi từ nguồn thu học phí của các đơn vị gửi tại kho bạc theo các quy định hiện hành.

5. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

a) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện Quyết định này tại các đơn vị trực thuộc theo phân cấp quản lý.

6. Các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và chế độ báo cáo theo quy định.

b) Chịu sự kiểm tra, thanh tra định kỳ, đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện mức thu học phí mới từ ngày 01/01/2016. Thời gian thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được thực hiện từ ngày 01/12/2015; riêng học sinh ở 13 xã miền núi khó khăn và 02 xã giữa sông theo Nghị quyết 14/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND Thành phố tiếp tục được thực hiện đến hết tháng 12 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

Phụ lục

**MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ
CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2015 -2016**

*(Kèm theo Quy định ban hành theo Quyết định số 44 /2015/QĐ-UBND
ngày 30/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
1	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội		
<i>1.1</i>	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Việt Nam học; Công tác xã hội		440
	- Tiếng Anh; Tiếng Trung Quốc		440
<i>1.2</i>	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Công nghệ thông tin		520
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội		
	<i>Y dược:</i>		
	- Điều dưỡng; Hộ sinh.	560	640
	- Dược; Xét nghiệm; Hình ảnh y học.		640
	- Dược sỹ.	560	
3	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông		
	<i>Y dược:</i>		
	- Điều dưỡng; Hộ sinh.	560	640
	- Dược; Xét nghiệm.	560	640
	- Y sĩ.	560	
4	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	110	160
	- Công nghệ ô tô.	130	180
	- Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Cơ điện tử.	120	170
	- Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính; Vẽ và thiết kế trên máy tính.	120	170

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội <i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Biểu diễn nhạc cụ truyền thống; biểu diễn nhạc cụ phương tây; Piano; Violon; Thanh nhạc.	400	430
	- Diễn viên múa.	400	
	- Biên đạo múa.		430
	- Diễn viên kịch - điện ảnh.		430
	- Hội họa; Thiết kế thời trang.	400	430
	- Thiết kế đồ họa.		430
	- Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Truyền thông đa phương tiện.		430
6	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội		
6.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Năm thứ nhất		
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.	250	250
	Năm thứ hai		
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.	280	300
	Năm thứ ba		
	- Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.		300
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán doanh nghiệp	50	
6.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Năm thứ nhất		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	250	250
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web	250	250
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	250	250
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	250	250
	- Chăm sóc sắc đẹp.	500	580

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
	Năm thứ hai		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	300	300
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.	300	300
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.	350	350
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	300	300
	- Chăm sóc sắc đẹp.	500	580
	Năm thứ ba		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.		350
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.		350
	- Cắt gọt kim loại; Hàn.		400
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.		350
	- Chăm sóc sắc đẹp.		580
	Hệ 03 năm		
	- Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển điện trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.	50	
	- Thiết kế đồ họa; Quản trị cơ sở dữ liệu; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Thiết kế trang Web.	50	
	- Cơ khí chế tạo; Hàn.	50	
	- Cơ điện tử; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Công nghệ ô tô.	50	
	- Chăm sóc sắc đẹp.	50	
7	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội		
7.1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:		
	- Kinh doanh thương mại; Kế toán.		440
	- Quản trị thương mại điện tử; Quản trị kinh doanh.		440
	- Tiếng Anh thương mại; Tiếng Anh; Tiếng Anh Du lịch - Khách sạn.		440
	- Kinh doanh thương mại và Dịch vụ.	385	
	- Kế toán doanh nghiệp.	385	

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
7.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Tin học Ứng dụng.		440
	- Quản trị kinh doanh khách sạn; Quản trị chế biến món ăn; Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành.		440
	- Kỹ thuật chế biến món ăn; Quản lý và kinh doanh khách sạn; Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn.	385	
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây		
8.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Khoa học cây trồng; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý đất đai.	180	430
	- Kế toán; Tài chính ngân hàng.	180	430
	- Tiếng Anh.	180	430
	- Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp.	180	430
	- Chăn nuôi; Dịch vụ thú y.	180	480
	Hệ 03 năm		
	- Khoa học cây trồng; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý đất đai.	135	
	- Kế toán; Tài chính ngân hàng.	135	
	- Tiếng Anh.	135	
	- Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp.	135	
	- Chăn nuôi; Dịch vụ thú y.	135	
8.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thực phẩm.	180	480
	- Quản trị kinh doanh du lịch- khách sạn.	180	480
	- Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.	180	480
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.	180	480
	- Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ sinh học; Công nghệ sau thu hoạch.	180	480
	Hệ 03 năm		
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thực phẩm.	135	
	- Quản trị kinh doanh du lịch, khách sạn.	135	
	- Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.	135	
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.	135	
	- Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ sinh học; Công nghệ sau thu hoạch.	135	

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
9	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội		
9.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Kế toán doanh nghiệp		300
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán doanh nghiệp	50	
9.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Điện tử công nghiệp; Điện tử dân dụng; Điện công nghiệp; Quản trị mạng máy tính; Quản trị cơ sở dữ liệu; Thiết kế đồ họa; Cơ điện tử.	310	350
	- Công nghệ ô tô; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh; Lắp đặt thiết bị lạnh.	330	380
	- Cơ khí: Ngủi sửa chữa máy công cụ; Cắt gọt kim loại; Hàn	500	560
	- Công nghệ thông tin.		350
	Hệ 03 năm		
	- Điện tử dân dụng; Điện dân dụng; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh; Lắp đặt thiết bị lạnh; Công nghệ thông tin.	50	
10	Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử.		520
	- Công nghệ điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông.		520
	- Tin học ứng dụng; Công nghệ thông tin.		520
	- Công nghệ kỹ thuật nhiệt		520
	- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		520
	- Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.		560
	- Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt.	455	
	- Điện công nghiệp và dân dụng	455	
	Hệ 03 năm		
	- Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt; Điện công nghiệp và dân dụng; Tin học ứng dụng; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện công nghiệp.	50	

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
11	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội		
11.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – ngân hàng.	280	440
	- Hệ thống thông tin quản lý.		440
11.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Công nghệ thông tin; Điện công nghiệp và dân dụng; Xây dựng công nghiệp và dân dụng.	280	
	- Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật Xây dựng; Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện tử; Quản lý xây dựng.		520
12	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội		
12.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	- Kế toán; Trồng trọt bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y.	90	300
	- Quản trị kinh doanh.		300
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán; Trồng trọt bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y.	40	
12.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	- Du lịch sinh thái; Quản lý đất đai.		300
	Hệ 03 năm		
	- Du lịch sinh thái; Quản lý đất đai; Cơ khí điện; Tin học ứng dụng.	40	
13	Trường Trung cấp nghề Giao thông Công chính Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02, 03 năm		
	- Công nghệ thông tin; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Công nghệ Ô tô; Hàn.	60	
14	Trường Trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội		
	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- May thời trang.	100	

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
15	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội <i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i> Hệ 02 năm, 03 năm - Tin học văn phòng ; Điện công nghiệp; Sơn mài khám trai; Kỹ thuật điêu khắc gỗ; Hàn; Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính.	50	
16	Trường Trung cấp nghề Số 1 Hà Nội Hệ 02 năm, 03 năm		
4.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i> - Kế toán doanh nghiệp.	60	
4.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i> - Công nghệ thông tin; Điện công nghiệp.	60	
17	Trường Trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ Khách sạn Hà Nội <i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i> Hệ 02 năm, 03 năm - Nấu ăn; Pha chế giải khát.	80	
18	Trường Trung cấp nghề Cơ khí 1 Hà Nội <i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i> Hệ 02 năm, 03 năm - Hàn; Ngồi chế tạo - Công nghệ Ô tô; Cắt gọt kim loại; Tin học văn phòng - sửa chữa máy tính; Điện công nghiệp.	30	
19	Trường Trung cấp Kinh tế Hà Nội <i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i> Hệ 02 năm - Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán doanh nghiệp sản xuất; Tài chính doanh nghiệp.	240	
	Hệ 03 năm - Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán doanh nghiệp sản xuất; Tài chính doanh nghiệp.	50	
20	Trường Trung cấp Xây dựng		
20.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i> Hệ 02 năm - Kế toán xây dựng; Kế toán doanh nghiệp.	150	
	Hệ 03 năm - Kế toán xây dựng; Kế toán doanh nghiệp.	30	

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
20.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm		
	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc; Thiết kế đồ họa; Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện, nước công trình; Công nghệ kỹ thuật thi công và hạ tầng.	150	
	Hệ 03 năm		
	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc; Thiết kế đồ họa; Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện, nước công trình; Công nghệ kỹ thuật thi công và hạ tầng.	30	
21	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đa ngành Sóc Sơn		
21.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Kế toán doanh nghiệp; Chăn nuôi thú y.	125	
21.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Điện công nghiệp và dân dụng; Điện tử dân dụng; Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm; Tin học ứng dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô.	125	
22	Trường Trung cấp Kinh tế Tài chính Hà Nội		
	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm, 03 năm		
	- Kế toán doanh nghiệp; Tài chính ngân hàng; Kinh doanh thương mại và dịch vụ; Pháp luật.	80	
23	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long		
23.1	<i>Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:</i>		
	Hệ 02 năm; Hệ 02 năm 03 tháng		
	- Kế toán; Kinh doanh thương mại.	450	
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán; Kinh doanh thương mại.	500	
23.2	<i>Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:</i>		
	Hệ 01 năm		
	- Thiết bị thư viện(lớp trên 20 học sinh).	500	
	- Thiết bị thư viện (lớp dưới 20 học sinh).	1,000	

STT	Nội dung	Mức thu học phí	
		Trung cấp	Cao đẳng
24	Hệ 02 năm; Hệ 02 năm 03 tháng		
	- Du lịch; Tin học; Viễn thông; Điện tử; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến món ăn.	450	
	Hệ 03 năm		
	- Du lịch; Tin học; Viễn thông; Điện tử; Điện công nghiệp và dân dụng; Chế biến món ăn.	500	
	Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội		
	24.1 Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản:		
	Hệ 01 năm		
	- Thư viện; Văn thư lưu trữ.	750	
	Hệ 02 năm		
	- Kế toán tin học	450	
	- Thư viện; Văn thư lưu trữ.	500	
	Hệ 03 năm		
	- Kế toán tin học; Thư viện; Văn thư lưu trữ.	450	
	24.2 Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch:		
	Hệ 01 năm		
	- Thư viện - Thiết bị trường học.	750	
	Hệ 02 năm		
	- Kỹ thuật máy tính; Quản trị mạng; Tin học quản lý.	490	
	- Thư viện - Thiết bị trường học.	500	
	Hệ 03 năm		
	- Kỹ thuật máy tính; Quản trị mạng; Tin học quản lý; Thư viện - Thiết bị trường học.	450	

Ghi chú:

- 02 đơn vị: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long (số thứ tự 23) và Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội (số thứ tự 24) là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động (Phân loại đơn vị theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

- 22 đơn vị còn lại là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động (Phân loại đơn vị theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ).